

TUẦN 4 KHỐI 8

TOÁN

ĐẠI SỐ BÀI 5 : Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp)

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

6. Tổng hailerpphương.

?1 $(a + b)(a^2 - ab + b^2)$

$$= a^3 - a^2b + \dots + \dots - ab^2 + \dots = a^3 + \dots$$

Vậy $a^3 + b^3 = (a + b) \dots$

Với A, B là các biểu thức tùy ý ta cũng có:

$$A^3 + B^3 = \dots(A^2 - AB + B^2) \quad (6)$$

?2 Giải

Tổng hailerpphương bằng biểu thức nhất, biểu thức hai với của hiệu A - B

Áp dụng.

a) $x^3 + 8 = x^3 + 2^3 = \dots$

b) $(x + 1)(x^2 - x + 1) = \dots = x^3 + 1$

7. Hiệu hailerpphương.

?3

$$(a - b)(a^2 + ab + b^2)$$

$$= a^3 + \dots + \dots - a^2b - \dots - b^3$$

$$= a^3 - \dots$$

Vậy $a^3 - b^3 = (a - b) \dots$

Với A, B là các biểu thức tùy ý ta cũng có:

$$\dots = (A - B)(A^2 + AB + B^2) \quad (7)$$

?4 Giải

..... bằng tích của tổng biểu thức nhất, biểu thức hai với bình phương thiếu của tổng

Áp dụng.

a) $(x - 1)(x^2 + x + 1) = \dots = \dots$

b) $8x^3 - y^3$

$= (2x)^3 - y^3$

$= \dots$

c)

x^3+8	x
x^3-8	
$(x+2)^3$	
$(x-2)^3$	

Bảy hằng đẳng thức đáng nhớ.

1) $\dots = A^2 + 2AB + B^2$

2) $(A - B)^2 = A^2 - \dots + \dots$

3) $A^2 - B^2 = \dots$

4) $(A + B)^3 = A^3 + \dots + \dots + B^3$

5) $(A - \dots)^3 = A^3 - \dots + 3\dots - \dots$

6) $A^3 + B^3 = (a + b)\dots$

7) $A^3 - B^3 = (A - \dots)(\dots + \dots + B^2)$

BÀI 6: LUYỆN TẬP

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

Bài tập 1: Rút gọn biểu thức

a) $(x - 3)(x^2 + 3x + 9) - (54 + x^3)$

$= x^3 - \dots - 54 - \dots$

$= \dots = \dots$

b) $(3x + y)(9x^2 - 3xy + y^2) - (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2)$

3

$$= \dots\dots\dots$$

$$= 27x^3 + \dots\dots\dots - \dots\dots\dots + \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

Bài tập 2: Chứng minh rằng:

a) $a^3 + b^3 = (a + b)^3 - 3ab(a + b)$

$$VP = (a + b)^3 - 3ab(a + b)$$

$$= a^3 + \dots\dots\dots + \dots\dots + b^3 - 3a^2b - \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots = VT \text{ (đẳng thức được chứng minh)}$$

b) $a^3 - b^3 = (a - b)^3 + 3ab(a - b)$

$$VP = (a - b)^3 + 3ab(a - b)$$

$$= \dots\dots - \dots\dots + 3ab^2 - b^3 + \dots\dots - 3ab^2$$

$$= \dots\dots = VT \text{ (đẳng thức được chứng minh)}$$

Bài tập 3

a) $53^2 + 47^2 + 47 \cdot 106$

$$= 53^2 + 47^2 + 2 \cdot 47 \cdot \dots\dots$$

$$= (\dots\dots + \dots\dots)^2 = 100^2 = \dots\dots$$

b) $5^4 \cdot 3^4 - (15^2 - 1)(15^2 + 1)$

$$= \dots\dots - (15^4 - \dots\dots) = \dots\dots\dots$$

c) $C = 50^2 - 49^2 + 48^2 - 47^2 + \dots + 2^2 - 1^2$

$$= (50 - 49)(50 + \dots\dots) + (48 - \dots\dots)(48 + 47) + \dots + (\dots\dots - 1)(2 + 1)$$

$$= \dots\dots + \dots\dots + 91 + \dots + 3$$

Số hạng là $(99 - 3) : 4 + 1 = \dots\dots$

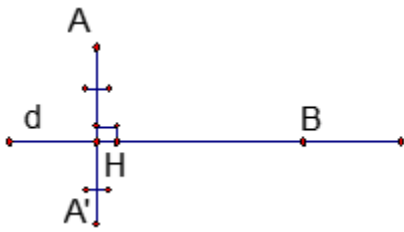
$$V = (99 + 3) \cdot 12 + 51 = \dots\dots\dots$$

HÌNH HỌC

BÀI 5 : ĐỐI XỨNG TRỤC

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

1: Hai điểm đối xứng nhau qua một đường thẳng.



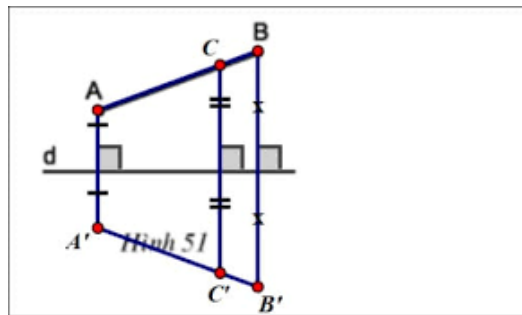
?1 (hình 50.sgk/84)

a) *Định nghĩa*: Hai điểm gọi là với nhau qua đường thẳng d , nếu d là đường trung trực của đoạn thẳng nối hai điểm đó.

b) *Quy ước*: Nếu điểm B nằm trên đường thẳng d thì điểm đối xứng với B qua đường thẳng d chính là điểm B .

2: Hai hình đối xứng qua một đường thẳng.

?2



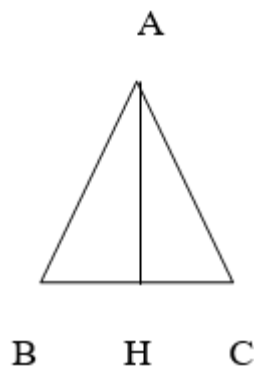
Hai đoạn thẳng AB và $A'B'$ đối xứng nhau qua đường thẳng d . d gọi là trục đối xứng

Định nghĩa: Hai hình gọi là đối xứng với nhau qua đường thẳng d nếu mỗi điểm thuộc hình này đối xứng với mỗi điểm thuộc hình kia qua đường thẳng d và ngược lại

Lưu ý: Nếu hai đoạn thẳng (góc, tam giác) đối xứng với nhau qua một đường thẳng thì chúng bằng nhau.

3. Hình có trục đối xứng:

?3 Vẽ hình theo yêu cầu



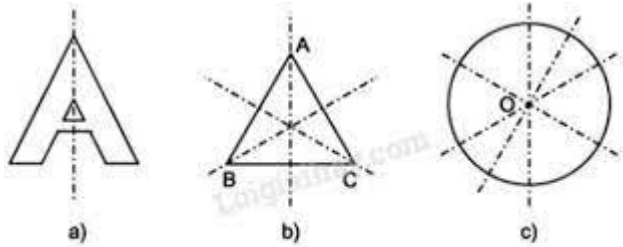
Đối xứng với AB là; đối xứng với AC là, đối xứng với BC là chính nó

Đường thẳng AH là trục đối xứng của ΔABC

a)

Định nghĩa: Đường thẳng d gọi là trục đối xứng của hình H nếu điểm đối xứng với mỗi điểm thuộc hình H qua đường thẳng d cũng thuộc hình H .

b) ?4/sgk/86



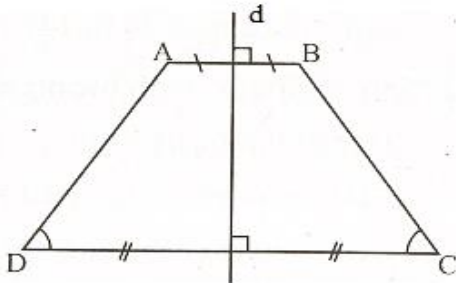
Hình 56

-Hình 56a) có....trục đối xứng

- Hình 56b) có.....trục đối xứng

-Hình 56c) có.....trục đối xứng

Định lý: Đường thẳng đi qua trung điểm hai đáy của hình thang cân là trục đối xứng của hình thang cân đó



Đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân ABCD

LÝ

ÔN TẬP

I. Những công thức cần nhớ:

$$v = \frac{s}{t}$$

$$s = v.t$$

$$t = \frac{s}{v}$$

Trong đó:

v: tốc độ (km/h, m/s,...)

s: quãng đường vật đi được (km, m,...)

t: thời gian (h, s,...)

Đối với vật chuyển động không đều:

$$v_{tb} = \frac{s}{t} = \frac{s_1 + s_2 + \dots}{t_1 + t_2 + \dots}$$

II. Ví dụ mẫu:

Ví dụ 1: Nhà Lan cách trường 2 km, Lan đạp xe từ nhà tới trường mất 10 phút. Tốc độ đạp xe của Lan là bao nhiêu? (Tính ra m/s và km/h)

Tóm tắt:

$$s = 2 \text{ km}$$

$$t = 10 \text{ min} = \frac{1}{6} \text{ h}$$

$$v = ? \text{ (km/h và m/s)}$$

Giải:

Tốc độ đạp xe của Lan là:

$$v = \frac{s}{t} = \frac{2000}{600} = 3,3 \text{ m/s}$$

$$\text{Đổi } 3,3 \text{ m/s} = 12 \text{ km/h}$$

Đáp số: 3,3 m/s

12 km/h

Ví dụ 2: Một xe chạy trong 6 giờ. Trong 2 giờ đầu đi được quãng đường 40 km; trong 3 giờ kế tiếp đi được quãng đường 90 km; trong giờ cuối đi được quãng đường 14 km. Tính tốc độ trung bình trong suốt thời gian chuyển động.

Tóm tắt:

$$s_1 = 40 \text{ km}$$

$$s_2 = 90 \text{ km}$$

$$s_3 = 14 \text{ km}$$

$$t_1 = 2 \text{ h}$$

$$t_2 = 3 \text{ h}$$

$$t_3 = 1 \text{ h}$$

$$v_{tb} = ?$$

Giải:

Tốc độ trung bình của xe trong suốt thời gian chuyển động là:

$$v_{tb} = \frac{s_1 + s_2 + s_3}{t_1 + t_2 + t_3} = \frac{40 + 90 + 14}{2 + 3 + 1} = 24 \text{ km/h}$$

Đáp số: 24 km/h

III. Vận dụng: (bài tập tự giải)

1. Một chiếc xe chạy 50 km đầu tiên với tốc độ 25 km/h, 70 km sau với tốc độ 35 km/h. Tính tốc độ của xe trong suốt quãng đường chuyển động.
2. Hưng đạp xe lên dốc dài 100 m với tốc độ 2 m/s, sau đó xuống dốc dài 140 m hết 30s. Hỏi tốc độ trung bình của Hưng trên cả đoạn dốc?
3. Một ô tô lên dốc với tốc độ 16 km/h, khi xuống lại dốc đó, ô tô này chuyển động nhanh gấp đôi khi lên dốc. Tốc độ trung bình của ô tô trong cả hai đoạn đường khi lên dốc và xuống dốc là bao nhiêu?
4. Một người đi bộ đều trên quãng đường đầu dài 3km với vận tốc 2m/s. Quãng đường tiếp theo dài 1,95km, người đó đi hết 0,5h. Tính vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường.

HÓA

Tiết 7 Đơn chất và hợp chất. Phân tử

I. Đơn chất

1. Đơn chất là gì?

- Đơn chất là những chất được tạo nên từ một nguyên tố

2. Phân loại

- Đơn chất kim loại: có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt: Cu, Al, Fe.....

- Đơn chất phi kim: không có ánh kim, không dẫn điện dẫn nhiệt (trừ than chì dẫn điện): S, P, C, H, O...

3. Đặc điểm cấu tạo

- Trong đơn chất kim loại các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo một trật tự nhất định

- Trong đơn chất phi kim thì các nguyên tử thường liên kết với nhau theo một số nhất định và thường là 2.

Vd: O₂ , H₂

II. Hợp chất.

1. Hợp chất là gì?

Hợp chất là những chất được tạo nên từ 2 hay nhiều nguyên tố hóa học

Vd: H₂O , CO₂, CH₄

2. Phân loại

- Hợp chất vô cơ: H₂O , CO₂ , NaCl.....

- Hợp chất hữu cơ: CH₄ , glucozo, xenlulozo....

3. Đặc điểm cấu tạo

- Trong hợp chất các nguyên tử của các nguyên tố liên kết với nhau theo một tỉ lệ và một thứ tự nhất định

III. Phân tử

1. Định nghĩa

Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất

- Với đơn chất kim loại thì phân tử cũng chính là nguyên tử
- Với đơn chất phi kim và hợp chất thì phân tử gồm 2 hay nhiều nguyên tử liên kết với nhau

2. Phân tử khối

Phân tử khối là khối lượng của một phân tử tính theo đơn vị cacbon

IV. Trạng thái của chất

HS tự đọc SGK

Tiết 8: Luyện tập: Đơn chất và hợp chất. Phân tử

Bài 1. Tính phân tử khối của các chất sau:

a) Nitric acid, biết trong phân tử có 1H, 1N, 3O

b) Iron (II) Sulfate, biết trong phân tử có 1Fe, 1S, 4O

Sodium Phosphate, biết trong phân tử có 3Na, 1P, 4O

d) Iron (II, III) oxide, biết trong phân tử có 3Fe, 4O

e) Aluminium hydroxide, biết trong phân tử có 1Al, 3H, 3O

f) Aluminium Sulfate, biết trong phân tử có 2 Al, 3S, 12O

g) Iron (III) Sulfate, biết trong phân tử có 2 Fe, 3S, 12O

Tiết 7:

CHƯƠNG II: VẬN ĐỘNG

BÀI 7: BỘ XƯƠNG

Nội dung, yêu cầu cần đạt
<p>I. Các phần chính của bộ xương:</p> <p>a. Vai trò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo khung giúp cơ thể có hình dạng nhất định - Chỗ bám cho các cơ giúp cơ thể vận động. - Bảo vệ các nội quan. <p>b. Thành phần: Bộ xương gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xương đầu: xương sọ và xương mặt. - Xương thân: gồm <p>+ Cột sống: nhiều đốt khớp lại, có 4 chỗ cong.</p> <p>+ Xương lồng ngực: gồm xương sườn và xương ức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xương chi: gồm <p>+ xương tay: x. đai vai, x. cánh tay, x. cẳng tay, x. bàn tay</p> <p>+ xương chân: x. đai hông, x. đùi, x. cẳng chân, x. bàn chân.</p> <p>II. Các khớp xương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khớp xương: là nơi tiếp giáp giữa các đầu xương. <p>Có 3 loại :</p> <p>+ Khớp động: là khớp cử động dễ dàng nhờ 2 đầu xương có sụn, đầu khớp nằm trong một bao chứa dịch khớp (hoạt dịch).</p> <p><u>Ví dụ:</u> ở cổ tay</p> <p>+ Khớp bán động: giữa 2 đầu xương là đĩa sụn, hạn chế cử động.</p> <p><u>Ví dụ:</u> ở cột sống</p> <p>+ Khớp bất động: các xương gắn chặt bằng khớp răng cưa nên không cử động được.</p> <p><u>Ví dụ:</u> ở hộp sọ</p>

+ Phần tham khảo:

(1) Ta thường có thói quen thuận bên phải nên khi vác, xách vật nặng ta cũng thường dùng vai phải, tay phải nhiều hơn. Điều này có nên không? Tại sao?

- Không nên, vì ở lứa tuổi học sinh, bộ xương đang phát triển, khi vác, xách vật nặng, ta phải phân phối đều cho 2 bên để bộ xương phát triển cân đối, tránh bị lệch xương, ảnh hưởng tới sức khỏe.

(2) Khi bị sai khớp xương hay gãy xương thì phải cấp cứu như thế nào để không gây nguy hiểm thêm cho người bị nạn?

- Dùng nẹp cứng dài hơn phần xương bị gãy để băng cố định chỗ bị thương (có lót vật mềm: Bông, vải sạch bên trong) dùng băng hoặc dây mềm quấn chặt lại, phần bị thương có cặp nẹp rời chuyển nạn nhân đến thầy thuốc.

(3) Tắm nắng ban mai có lợi ích gì cho xương?

- Giúp chuyển hóa tiền vitamin D thành vitamin D, nhờ loại vitamin này cơ thể mới chuyển hóa được canxi để tạo xương.

.....

Tiết 8:

BÀI 8: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

Nội dung, yêu cầu cần đạt
<p>I. Cấu tạo của xương:</p> <p>1. Cấu tạo và chức năng của xương dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng 8.1 SGK T29 + Gồm màng xương, mô xương cứng, mô xương xốp, sụn đầu xương, sụn tăng trưởng. + Trong khoang xương có tủy + Xương dài có cấu tạo hình ống, mô xương xốp ở 2 đầu xương, trong xương chứa tủy đỏ là nơi sản sinh hồng cầu (trẻ em tủy đỏ, người lớn tủy vàng). <p>2. Cấu tạo xương ngắn và xương dẹt:</p> <p>* Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài là mô xương cứng - Trong là mô xương xốp với nhiều nan xương. <p>III. Sự to ra và dài ra của xương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xương dài ra: Do sự phân chia các tế bào ở lớp sụn tăng trưởng. - Xương to thêm về bề ngang nhờ sự phân chia của các tế bào màng xương. <p>IV. Thành phần hóa học và tính chất của xương:</p> <p>1. Thành phần hóa học: gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất vô cơ: Muối canxi. - Chất hữu cơ: Cốt giao. - Tỷ lệ chất hữu cơ và vô cơ trong xương thay đổi theo tuổi . <p>2. Tính chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bền chắc và mềm dẻo.

Phần Hs tham khảo:

(1) Giải thích vì sao xương động vật được hầm (đun sôi lâu thì bở)?

- Vì dưới tác dụng của nhiệt độ làm chất vô cơ không liên kết được với chất cốt giao.

(2) Ta có nên tự luyện tập những môn thể thao nặng trong thời gian dài (tập tạ...) mà không cần thầy hướng dẫn không? Tại sao?

- Không nên. Vì khi tập những môn thể thao nặng kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển của bộ xương, các động tác cần phải chính xác, phù hợp với lứa tuổi, tránh ảnh hưởng sâu tới sự phát triển cơ xương (bị lùn ...)

.....

THỂ DỤC

Khối 8: Bài thể dục - Chạy ngắn - Chạy bền



Bài 1:

MÔN ÂM NHẠC
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 8 :Tuần 4- Tiết 4 Học hát: LÍ DĨA BÁNH BÒ Dân ca Nam Bộ
	<p>1. Giới thiệu bài hát.</p> <p>- Lí là khúc hát dân ca của đồng bào Nam Bộ, Trung Bộ. Các bài lí có cấu trúc ngắn gọn, mạch lạc thường bắt nguồn từ câu thơ lục bát.</p> <p>Ví dụ:</p> <p style="text-align: center;">“Hai tay bung đĩa bánh bò Giấu cha, giấu mẹ, cho trò đi thi”</p> <p>Câu thơ lục bát trên đã được nhân dân tạo thành bài hát Lí đĩa bánh bò. Với giai điệu vui tươi và lời ca hóm hỉnh, bài hát được lưu truyền đến ngày nay</p> <div data-bbox="183 1024 1364 1764" style="text-align: center;"> <p style="text-align: center;"><i>Lí đĩa bánh bò</i> <i>Dân ca Nam Bộ</i></p> <p><i>Vừa phải</i></p> <p>Hai tay bung đĩa í a bánh bò. Giấu cha giấu mẹ chân đi khé né tối trời sợ té lên đem cho trò i i i i i trò là trò đi thi i i i trò tinh tinh tang tang là trò là trò đi thi i i i. Hai... i.</p> </div> <p>2. Học hát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhịp: 2/4 - Kí hiệu: sử dụng dấu nhắc lại, khung thay đổi, nhịp lấy đà - Chia câu: gồm 2 câu <p>Nghe giai điệu từng câu hát một rồi lặp lại cho đến hết bài.</p>

<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt lời mới theo điệu Lí đĩa bánh bò với chủ đề: Học tập, mái trường, thầy cô,... - Yêu gia đình, quê hương, đất nước. <p style="text-align: center;"><i>“Quê hương hai tiếng sáng ngời Chúng em gắng học xây đời mai sau”</i></p> <p>Hoặc:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Lớp ta cố gắng học hành Giúp nhautiến bộ là trò chăm ngoan”</i></p>
--	---

Môn Công nghệ

Bài 8. Khái niệm về bản vẽ kỹ thuật hình cắt hay, ngắn gọn

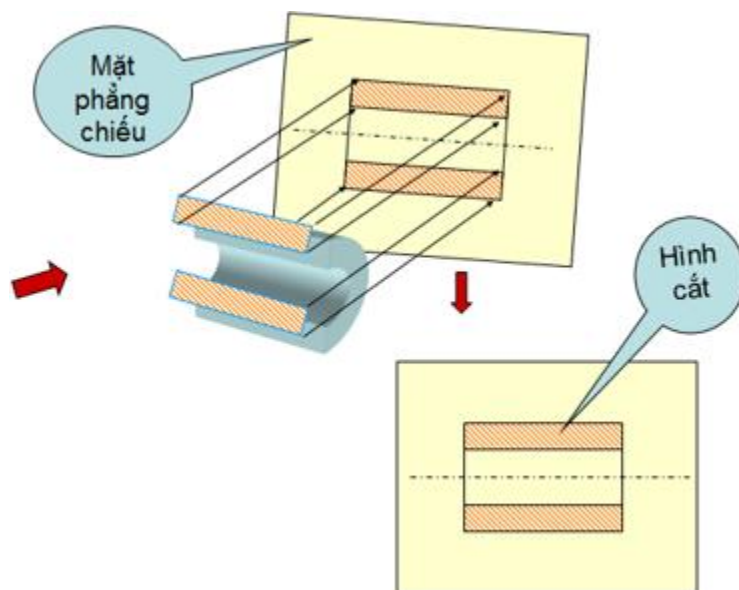
I. Khái niệm về bản vẽ kỹ thuật (Xem lại mục I bài 1)

II. Khái niệm về hình cắt

Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở phía sau mặt phẳng cắt.

Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng hình cắt để biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.

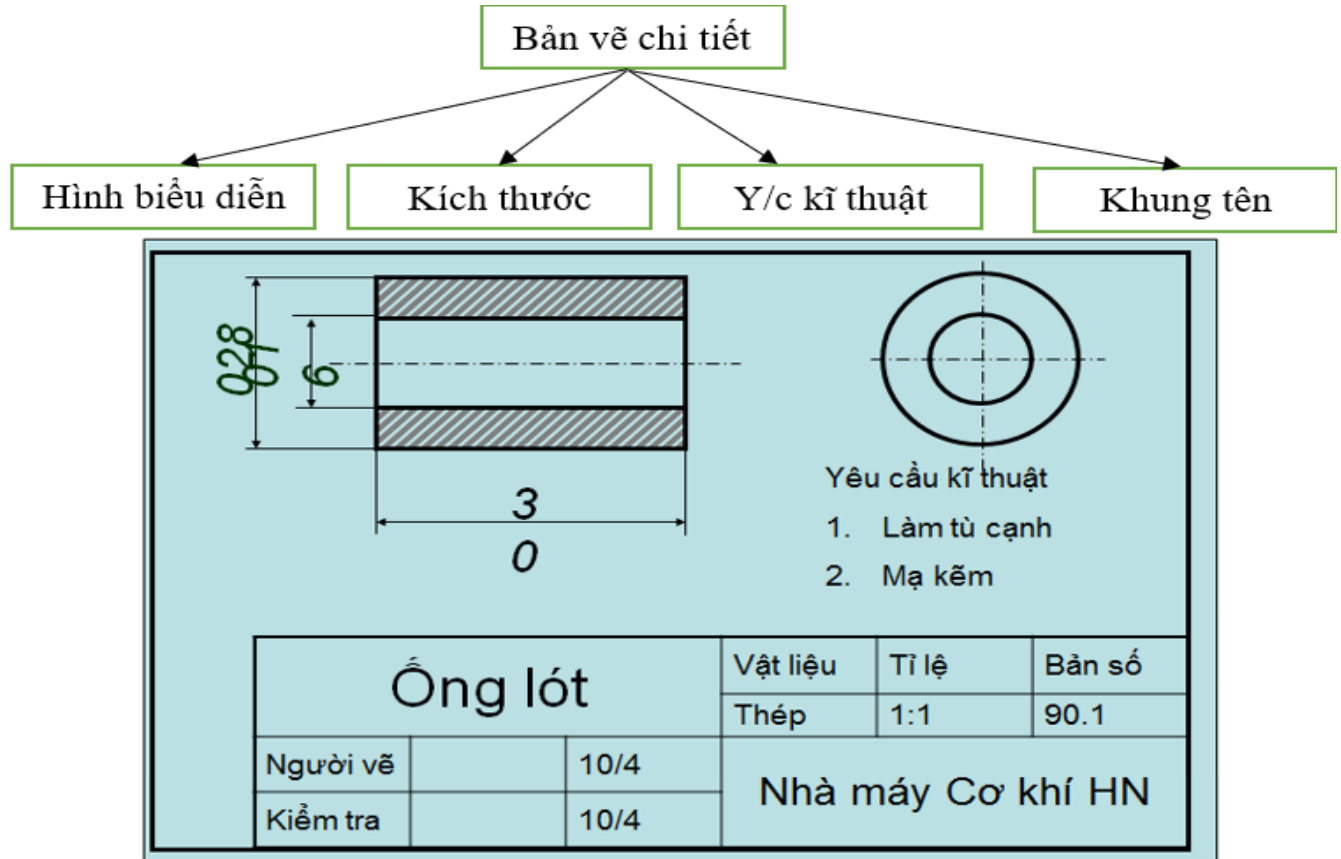
Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được kẻ bằng nét gạch.



Bài 9. Bản vẽ chi tiết

I. Nội dung của bản vẽ chi tiết

Bản vẽ chi tiết là bản vẽ thể hiện hình dạng, kích thước và các yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.



II. Đọc bản vẽ chi tiết

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ ống lót
1. Khung tên	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi chi tiết - Vật liệu - Tỉ lệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Ống lót - Thép - 1:1
2. Hình biểu diễn	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi hình chiếu - Vị trí hình cắt 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình chiếu cạnh - Hình cắt ở hình chiếu đứng
3. Kích thước	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước chung các chi tiết - Kích thước các phần của chi tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - 28, 30 - Đường kính ngoài 28 - Đường kính lỗ 16 - Chiều dài 30
4. Yêu cầu kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Gia công - Xử lý bề mặt 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm tù cạnh - Mạ kẽm

5. Tổng hợp	- Mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết - Công dụng của chi tiết	- Ống trụ hình tròn - Lót giữa chi tiết
-------------	---	--

WEEK 4(27/9- 01/10/2021) ENGLISH 8
UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS
PERIOD 3: LISTEN + LANGUAGE FOCUS 3

LISTEN:

KINGSTON JUNIOR HIGH SCHOOL

DATE: TIME:

FOR: *The Principal*

MESSAGE:

TELEPHONE NUMBER:

Nội dung bài nghe

Secretary: Kingston Junior High School.

Woman: Good afternoon. Could I talk to the principal, please?

Secretary: I'm afraid Mr. Kelvin is out at the moment. Would you like to leave a message?

Woman: uhm, no. But I'd like to make an appointment to see him.

Secretary: I think he will be available on Tuesday.

Woman: Tuesday's OK. Can I see him in the morning?

Secretary: Sure, you can. What time would you like to come?

Woman: Is 10.30 OK?

Secretary: I'm sorry. The principal will have a school visit at 10.30. What about 9.45?

Woman: 9.45. Let me see. Yes, it's alright.

Secretary: What's your name, please?

Woman: My name's Mary Nguyen.

Secretary: And your address, please?

Woman: Number 23, 51st Street. My telephone number is 64683720942.

Secretary: Thank you, Mrs. Nguyen.

Woman: Thank you very much. Goodbye.

Secretary: Goodbye.

- **Gợi ý trả lời:**

KINGSTON JUNIOR HIGH SCHOOL

DATE: *Tuesday* TIME: *9.45*
FOR: *The Principal*
MESSAGE: *Mrs. Mary Nguyen wanted to see you at 9.45 on
Tuesday morning.*
TELEPHONE NUMBER: *64683720942*

LANGUAGE FOCUS:**1. Be going to: Tương lai gần***** Công thức:**

Khẳng định	Phủ định	Nghi vấn
S + am / is / are + going to + V1 ...	S + am / is / are + not + going to + V1 ...	Am / Is / Are + S + going to + V1 ...?

*** Cách dùng:**

- Diễn tả một dự định trong tương lai

She has saved money. She is going to buy a new car.

I bought a lot of sugar. I 'm going to make a cake.

- Diễn tả một dự đoán

There are a lot of dark clouds in the sky. It is going to rain.

2. Adverbs of place: Trạng từ chỉ nơi chốn

Trạng từ	Nghĩa
- outside	- bên ngoài
- inside	- bên trong
- there	- ở đó
- here	- ở đây
- upstairs	- trên lầu
- downstairs	- dưới đất (dưới lầu)
- between ... and ...	- giữa ... và ...
- in front of	- phía trước
- opposite	- đối diện
- behind	- phía sau

*** Bài tập trả lời trong SGK:****1. Work with a partner. Say what the people are going to do. Follow the example sentence.**

(Em hãy làm việc với bạn bên cạnh, nói xem những người này sẽ làm gì theo ví dụ sau:)

Example:

Nga has a movie ticket.

=> **She's going to see a movie.**

a) Quang and Nam bought new fishing rods yesterday.

=>

b) Trang's mother gave her a new novel this morning and she has no homework today.

=>

c) Van has a lot of homework in Math and she is going to have Math at school tomorrow.

=>

d) Mr. Hoang likes action movies very much and there's an interesting action movie on TV tonight.

=>

e) Hien's friend invited her to his birthday party.

=>

3. Complete the speech bubbles. Use each adverb in the box once.

(Dùng trạng từ cho trong khung để hoàn thành cách hình thoạisau. Mỗi trạng từ chỉ dùng một lần.)

outside inside there here upstairs downstairs



HOMEWORK

SECTION 1: - Learn by heart the structures in "Language Focus"
SECTION 2: - Do E.x II, (page 11), IV (page 12), VI (page 13) (Mai Lan Huong)

ĐỊA 8

Tuần 4 : Từ (27/9-3/10/2021)

BÀI 4. Thực hành: PHÂN TÍCH HOÀN LƯU GIÓ MÙA Ở CHÂU Á

1. Phân tích hướng gió vào mùa đông:

Mùa đông gió thổi từ lục địa ra đại dương

Khu vực	Hướng gió mùa đông
Đông Á	Tây bắc
Đông Nam Á	Bắc, đông bắc
Nam Á	Đông bắc

Môn Văn:**Tuần 4 Bài 4 (27/9/2020- 1/10/2020)****Tiết 13&14: LÃO HẠC.**

~ Nam Cao~

I.Đọc- hiểu chú thích.

1.Tác giả- Tác phẩm: SGK/45

2.Từ khó: SGK/46;47.

II.Đọc- hiểu văn bản.**1.Diễn biến tâm trạng lão Hạc xoay quanh việc bán chó.**

-Lão đau đớn, xót xa, ân hận.

=>Lão Hạc là người sống tình nghĩa, thủy chung và trung thực.

2.Nguyên nhân cái chết của lão Hạc.

-Chết vì đói khổ, túng quẫn. Vì muốn giữ nguyên vẹn mảnh vườn cho con.

=>Lão Hạc thương con sâu sắc và giàu lòng tự trọng.

3.Thái độ, tình cảm của ông giáo.

-Đồng cảm, chia sẻ, cảm phục và kính trọng nhân cách của lão Hạc.

4.Ý nghĩa của đoạn “Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác”:

+Ông giáo đã biết mình hiểu lầm lão Hạc.

+Cuộc đời còn những nhân cách cao đẹp như lão Hạc.

+Những con người giàu lòng tự trọng và thương con với đức hi sinh cao đẹp lại không được sống.

5.Nam Cao đưa ra lời khuyên một cách nhân đạo: Phải quan sát, đánh giá người xung quanh bằng sự đồng cảm và tình thương yêu.**6.Cuộc sống người nông dân nghèo khổ, bết tắc, không lối thoát, nhưng họ có những phẩm chất cao đẹp: Tận tụy, hi sinh vì người thân.****7. Đặc sắc nghệ thuật:**

-Xây dựng tình huống truyện bất ngờ.

-Miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc.

-Kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

-Lời kể gần gũi và chân thật.

-Kết hợp kể, tả, biểu cảm và triết lí một cách sâu sắc.

II.Tổng kết: Ghi nhớ SGK trang 48.**TIẾT 15: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH.****I. Đặc điểm, công dụng**

1. Ví dụ: Đoạn văn sgk/49

- Các từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật: **Móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc.**

- Các từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người: **Hu hu, ư ử.**

2. Khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình: Ghi nhớ/49.

II. Luyện tập: SGK/tr49, 50.

TIẾT 16: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I. Từ ngữ địa phương:

- Từ địa phương: bấp, bẹ.

- Từ toàn dân: ngô.

***Ghi nhớ:** SGK/56

II. Biệt ngữ xã hội:

A) Biệt ngữ xã hội: mợ (mẹ)

=> Từ của tầng lớp trung lưu, thượng lưu.

***Ngõng:** điếm 2.

***Trúng tủ:** Trúng vào những nội dung đã học, đã ôn trong đợt kiểm tra.

=> Tầng lớp học sinh.

Ghi nhớ 2: SGK/57.

III. Sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

- Không nên lạm dụng, sẽ gây khó hiểu.

- Sử dụng từ địa phương để tô đậm màu sắc địa phương cho tác phẩm.

***Ghi nhớ:** SGK/58

(Tô đậm màu sắc tầng lớp xã hội).

***DẶN DÒ:**

- Làm bài tập trang **49, 50, 58, 59.**

- Viết bài văn ngắn (khoảng 2 mặt giấy): **Em hiểu thế nào về cuộc đời và tính cách người nông dân trong xã hội cũ qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” và “Truyện ngắn “Lão Hạc”.**

Môn sử: GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (TUẦN 4)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 8 BÀI 5: CÔNG XÃ PA-RI 1871
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>- HS đọc SGK Lịch sử lớp 8 từ trang 35 đến trang 38 của NXBGD</p> <p>1/ Mục tiêu bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết rõ nguyên nhân dẫn tới cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới - Công xã Pa-ri. - Nắm được những chính sách tiến bộ của Công xã Pa-ri và giải thích được vì sao Công xã Pa-ri là Nhà nước kiểu mới. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri. - Có thái độ trân trọng, khâm phục những tấm gương hi sinh chiến đấu của các chiến sĩ Công xã Pa-ri. - Phân tích, đánh giá các sự kiện trong bài theo quan điểm của sử học mác xít. <p>2/ Cách học:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mục I: - Tìm hiểu nguyên nhân của chiến tranh Pháp - Phổ, thái độ của chính phủ và nhân dân. - Nhớ những sự kiện dẫn tới sự thành lập Công xã Pa-ri. * Mục II: học sinh tự học * Mục III: Tìm hiểu ý nghĩa và bài học của Công xã Pa-ri. <p>3/ Một số khái niệm, thuật ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước kiểu mới: Bộ máy tổ chức chính trị do giai cấp vô sản thành lập nhằm bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng, bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, khác với các kiểu nhà nước trước đó, vì nó không phải là công cụ áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị mà là nhà nước của dân và vì dân.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<p>TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> 1/ Vì sao nhân dân Pa-ri đấu tranh và thành lập Công xã Pa-ri? 2/ Lập niên biểu những sự kiện cơ bản của Công xã Pa-ri. 3/ Vì sao nói Công xã Pa-ri là nhà nước kiểu mới? 4/ Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học của Công xã Pa-ri.

*** Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Mục II:	1. 2. 3.

BÀI GHI CỦA HS

BÀI 5: CÔNG XÃ PA-RI 1871

I. Sự thành lập Công xã

1. Hoàn cảnh ra đời của công xã

- Pháp tuyên chiến với Phổ.
- 2/9/1870 Hoàng đế Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ 10 vạn quân chủ lực bị Phổ bắt làm tù binh.
- Ngày 4-9-1870 nhân dân Pari đứng lên khởi nghĩa. Chính quyền Na-pô-lê-ông III bị lật đổ.
- Thành lập chính phủ lâm thời Tư sản – “Chính phủ vệ quốc”.
- Quân Phổ kéo vào nước Pháp, bao vây Pa-ri; chính phủ Tư sản hèn nhát vội vàng xin đình chiến. Quần chúng nhân dân đứng lên chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

2. Cuộc khởi nghĩa 18/3/1871. Sự thành lập Công xã

a. Cuộc khởi nghĩa 18/3/1871

- Mâu thuẫn giữa chính phủ tư sản với nhân dân Pa-ri ngày càng tăng. Chi-e, tiến hành âm mưu bắt hết ủy viên ban Trung ương.
- 18-3-1871, Chi e cho quân đánh úp đồn Mông-mac, nhưng cuối cùng bị thất bại. Nhân dân nhanh chóng làm chủ Parivà đảm nhiệm vai trò chính phủ lâm thời.

* Tính chất: Là cuộc *cách mạng vô sản* đầu tiên

b. Sự thành lập Công xã: 26/3/1871 nhân dân Pa –ri tiến hành bầu cử Hội đồng Công xã theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu

II. Tổ chức bộ máy và chính sách của công xã Pa-ri (Học sinh tự học)

III. Nội chiến ở Pháp. Ý nghĩa lịch sử của công xã Pari

1. Nội chiến ở Pháp (Đọc thêm SGK)

2. Ý nghĩa lịch sử của công xã Pari

- Công xã là hình ảnh thu nhỏ của 1 chế độ xã hội mới.
- Đem lại tương lai tốt đẹp cho nhân dân lao động
- Bài học: Phải có Đảng chân chính lãnh đạo, thực hiện liên minh công nông, trấn áp kẻ thù

PHIẾU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ 8 – SỐ 4

Câu 1: Lực lượng chủ yếu nổi dậy ngày 4/9/1870 là gì?

- A. Công nhân và tiểu tư sản
- B. Nông dân
- C. Công nhân
- D. Công nhân và nông dân

Câu 2: Lực lượng hỗ trợ cho các chiến sĩ ở Quốc dân quân ở đời Mông-mác là ai?

- A. Tiểu tư sản
- B. Nông dân
- C. Công nhân
- D. Công nhân và nông dân

Câu 3: Chính sách nào của Công xã đã bước đầu giao tư liệu sản xuất cho người lao động?

- A. Hoãn trả lại tiền thuê nhà.
- B. Quy định tiền lương tối thiểu.
- C. Giáo dục bắt buộc.
- D. Công nhân quản lí xí nghiệp chủ bỏ trốn.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khởi nghĩa ngày 18/03/1971 của nhân dân Pa-ri là gì?

- A. Mâu thuẫn gay gắt không thể điều hòa giữa quần chúng nhân dân Pa-ri với chính phủ tư sản.
- B. Bất bình trước thái độ hèn nhát của chính phủ tư sản khi bị quân Phổ tấn công.
- C. Chống lại sự đầu hàng phản bội lợi ích dân tộc của tư sản Pháp để bảo vệ tổ quốc.
- D. Chi-e cho quân đánh úp đời Mông-mác.

Câu 5: Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản Pháp thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi là gì?

- A. Chính phủ Lập quốc
- B. Chính phủ Vệ quốc
- C. Chính phủ Cứu quốc
- D. Chính phủ yêu nước

Câu 6: “Tuần lễ đẫm máu” ở nước Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 12/05/1871 – 28/5/1871
- B. 29/5/1981 - 27/05/1871
- C. 20/05/1871 – 28/05/1871
- D. 21/05/1871 – 28/05/1871

Câu 7: Vì sao cuộc cách mạng ngày 18/03/1871 được gọi là cuộc cách mạng vô sản?

- A. Cuộc cách mạng lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản.
- B. Cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- C. Đánh đuổi được quân Phổ và thiết lập nên chuyên chính vô sản.
- D. Thành lập được nhà nước của giai cấp vô sản.

Câu 8: Hội đồng Công xã Pa-ri được tập trung trong tay các quyền lực nào?

- A. Quyền hành pháp
- B. Quyền lập pháp
- C. Quyền hành pháp và lập pháp
- D. Quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Câu 9: Vì sao nói Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới?

- A. Công xã do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.
- B. Công xã đã ban bố và thi hành nhiều sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân.
- C. Công xã giải phóng quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ.
- D. Công xã vừa ban bố pháp lệnh, vừa thi hành pháp lệnh.

Câu 10: Bài học lớn nhất được rút ra từ Công xã Pa-ri là gì?

- A. Phải có đảng vô sản lãnh đạo.
- B. Phải liên minh công nông.
- C. Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ.
- D. Phải lôi kéo được đông đảo quần chúng ủng hộ.

CÁC NỘI DUNG TRONG BÀI HỌC	NỘI DUNG YÊU CẦU HỌC SINH THỰC HIỆN
---	--

.....
.....

PHẦN HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

<p>I. Đặt vấn đề</p>	<p>Hoạt động 1 . Tìm hiểu phần đặt vấn đề. Trả lời 3 câu sau: 1: Em có nhận xét gì về việc làm của quan tuần phủ Nguyễn Quang Bích trong câu chuyện trên . 2 :Trong các cuộc tranh luận có bạn đưa ra ý kiến nhưng bị đa số các bạn phản đối .Nếu thấy ý kiến đó đúng thì em xử sự như thế nào ? 3:Nếu biết bạn mình quay cóp trong giờ kiểm tra , em sẽ làm gì ? *Theo em trong những trường hợp trên trường hợp nào được coi là đúng đắn phù hợp với đạo lí và lợi ích chung của xã hội. *Vậy lẽ phải là gì ?</p>
<p>II. Nội dung bài học</p> <p>1. Thế nào là tôn trọng lẽ phải</p> <p>2. Ý nghĩa</p>	<p>Hoạt động 2 :Tìm hiểu nội dung bài học. *Qua ví dụ trên em chobiết thế nào là tôn trọng lẽ phải . *Đối với những việc làm như : -Vi phạm luật giao thông đường bộ . -Vi phạm nội quy ở trường lớp. -Làm trái các qui định của pháp luật . *Đó có phải là lẽ phải không ? *Với những việc làm đó ta cần bày tỏ thái độ hành động gì ? *Vậy tôn trọng lẽ phải có ý nghĩa như thế nào ? *Là học sinh em phải làm gì để trở thành người biết tôn trọng lẽ phải.</p>

NỘI DUNG TUẦN 5

Môn Vật lý 8
Tuần 5

CHỦ ĐỀ 4: BIỂU DIỄN LỰC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

Cách biểu diễn và kí hiệu véc tơ lực:

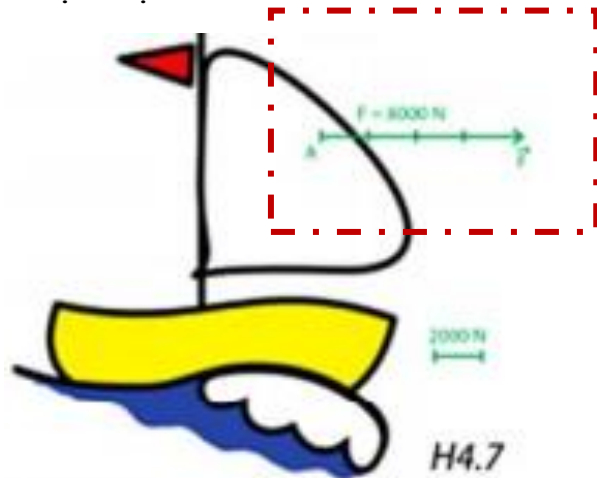
- Cách biểu diễn:

Lực là một đại lượng véc tơ, được biểu diễn bằng một mũi tên có:

- Góc: là điểm đặt của lực
- Phương, chiều: trùng với phương chiều của lực
- Độ dài: biểu diễn độ lớn của lực theo một tỉ xích cho trước

Vi dụ: Cánh buồm của một chiếc thuyền (hình H4.6) chịu tác dụng lực \vec{F} của gió, được biểu diễn như hình H4.7. Lực này có các yếu tố sau:

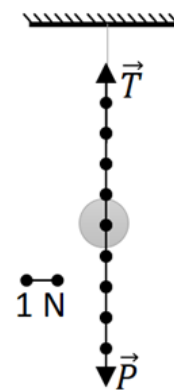
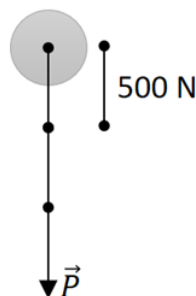
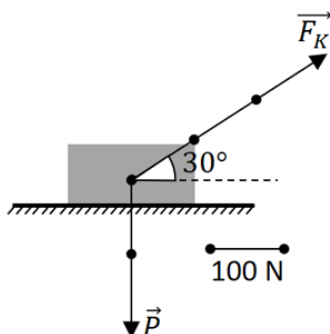
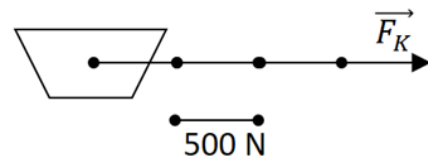
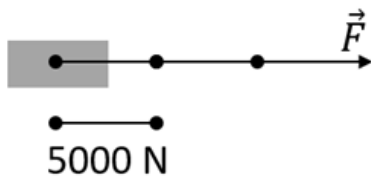
- Điểm đặt tại A trên cánh buồm.
- Phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải.
- Độ lớn $F = 8000 \text{ N}$.



• ý hiệu véc
tơ lực:

Hoạt động 2: Vận dụng

Diễn tả bằng lời các yếu tố của lực vẽ ở hình sau:



MÔN HOÁ HỌC LỚP 8-TUẦN 5 (tiết 9-10)

Tiết 9 **Bài Luyện Tập 1**

A. Kiến thức cần nhớ

HS ôn tập lại kiến thức về: chất; nguyên tử; nguyên tố hoá học; đơn chất, hợp chất, phân tử

B. Bài tập

Bài 1. Hãy phân biệt từ nào(những từ in đậm) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau đây

a) **Chậu** có thể làm bằng **nhôm** hay **chất dẻo**

b) **Xenlulozơ** là thành phần chính tạo nên tế bào thực vật, có nhiều trong **thân cây**

Bài 2. Biết rằng sắt bị nam châm hút. Làm thế nào để tách vụn sắt ra khỏi hỗn hợp gồm vụn sắt và vụn nhôm

Bài 3. Hợp chất A tạo bởi 2 nguyên tử nguyên tố X liên kết với 1 nguyên tử O. Hợp chất A nặng hơn phân tử hiđro 31 lần.

a) Tính phân tử khối của hợp chất A

b) Tính nguyên tử khối của X, xác định tên và kí hiệu của X

Tiết 10 **CÔNG THỨC HOÁ HỌC**

I. Công thức hóa học của đơn chất

Công thức hóa học của đơn chất chỉ gồm kí hiệu hóa học của một nguyên tố

1. Đơn chất kim loại

CTHH trùng với KHHH

2. Đơn chất phi kim

Công thức hóa học là A_2 (trừ S, C, Si, P)

Trong đó: A: là kí hiệu hóa học của nguyên tố

VD: : H_2 , O_2 , Cl_2 , F_2 , N_2 , Br_2

II. Công thức hóa học của hợp chất

Công thức hóa học của hợp chất gồm 2 KHHH trở lên

Công thức chung: A_xB_y hoặc $A_xB_yC_z$

Trong đó: A, B, C là KHHH của nguyên tố

x, y, z là số nguyên tử của mỗi nguyên tố, gọi là chỉ số

VD: $\text{CH}_4, \text{Al}_2\text{O}_3, \text{CaCO}_3$

- **Chú ý:** Nếu chỉ số bằng 1 thì không ghi

III. Ý nghĩa của CTHH

- Nguyên tố tạo ra chất

- Số nguyên tử mỗi nguyên tố có trong 1 phân tử của chất

- Phân tử khối của chất

Lưu ý:Viết 2H : chỉ 2 nguyên tử hiđro

H_2 : chỉ 1 phân tử hiđro

Số đứng trước và viết ngang bằng với KHHH là hệ số còn số ghi dưới chân KHHH là chỉ số

TOÁN:

PHIẾU HỌC TẬP-TUẦN 5

Lưu ý: Học sinh điền vào “...” để hoàn thành bài học

Bài 6: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶT NHÂN TỬ CHUNG

1. Khái niệm

Phân tích đa thức thành nhân tử (hay thừa số) là biến đổi đa thức đó thành một tích của những đa thức.

2. Ứng dụng của việc phân tích đa thức thành nhân tử

Việc phân tích đa thức thành nhân tử giúp chúng ta rút gọn được biểu thức, tính nhanh, giải phương trình.

3. Phương pháp đặt nhân tử chung

- Khi tất cả các số hạng của đa thức có một thừa số chung, ta đặt thừa số chung đó ra ngoài dấu ngoặc () để làm nhân tử chung.

- Các số hạng bên trong dấu () có được bằng cách lấy số hạng của đa thức chia cho nhân tử chung.

Chú ý: Nhiều khi để làm xuất hiện nhân tử chung ta cần đổi dấu các hạng tử (lưu ý với tính chất $A = -(-A)$)

Ví dụ:

$$\begin{aligned} & 5x + x^2 \\ &= 5 \cdot x + x \cdot x \\ &= x \cdot (5 + x) \end{aligned}$$

Bài 1: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

$$\begin{aligned} & a, x^2 - x \\ &= x \dots - x \cdot 1 \end{aligned}$$

$$= \dots(x-1)$$

$$\text{b, } 5x^2(x-2y) - 15x(x-2y)$$

$$= (\dots - \dots)(5x^2 - 15x)$$

$$= (\dots - \dots)(5 \cdot x \cdot x - 3 \cdot 5 \cdot x)$$

$$= (\dots - \dots) \cdot 5x(\dots - 3)$$

$$= \dots(\dots)(\dots)$$

$$\text{c) } 3(x-y) - 5x(y-x)$$

$$= 3(x-y) + 5x(x-y)$$

$$= (\dots) \cdot (\dots)$$

Bài 2: Tìm x, biết:

$$3x^2 - 6x = 0$$

$$\Leftrightarrow 3x(\dots) = 0$$

$$\Leftrightarrow 3x = 0 \text{ hoặc } \dots = 0$$

$$\Leftrightarrow x = 0 \text{ hoặc } \dots$$

Bài 7: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP DÙNG HẰNG ĐẲNG THỨC

**Phương pháp chung:*

Đưa đa thức cần phân tích về dưới dạng của hằng đẳng thức, rồi phân tích thành nhân tử bằng các hằng đẳng thức.

Bài 1: Phân tích thành nhân tử:

$$\text{a, } x^2 - 9 \qquad \text{b, } 4x^2 - 25$$

$$\text{c, } 9x^2 + 6xy + y^2 \qquad \text{d, } (x+y)^2 - (x-y)^2$$

Lời giải:

$$\text{a, } x^2 - 9 = \dots - 3^2 = (x+3)\dots$$

$$\text{b, } 4x^2 - 25 = (2x)^2 - \dots = \dots$$

$$\text{c, } 9x^2 + 6xy + y^2 = (3x)^2 + 2\dots + \dots = \dots$$

$$\text{d, } (x+y)^2 - (x-y)^2 = [(x+y) + (x-y)][(x+\dots) - (\dots-y)]$$

$$= (x+y+x-y)(\dots) = \dots \cdot 2y = \dots$$

Bài 2: Tính nhanh:

a, $25^2 - 15^2$

b, $87^2 + 73^2 - 27^2 - 13^2$

Lời giải:

a, $25^2 - 15^2 = (25 + 15) \dots \dots \dots = 40 \dots = \dots$

b, $87^2 + 73^2 - 27^2 - 13^2 = (87^2 - 13^2) + \dots \dots \dots$

$= (87 + 13) \dots \dots \dots + \dots \dots \dots (73 - 27)$

$= \dots \dots \dots + \dots \dots \dots = \dots \dots \dots = \dots \dots \dots$

Bài 3: Tìm x biết

a, $x^3 - 0,25x = 0$

b, $x^2 - 10x = -25$

Lời giải:

a, $x^3 - 0,25x = 0$

$\Leftrightarrow x(\dots - 0,25) = 0$

$\Leftrightarrow x(x^2 - 0,5^2) = 0$

$\Leftrightarrow \dots(x + 0,5) \dots = 0$

$\Leftrightarrow x = 0$

Hoặc $x + 0,5 = 0 \Rightarrow x = \dots$

Hoặc $x - 0,5 = 0 \Rightarrow x = \dots$

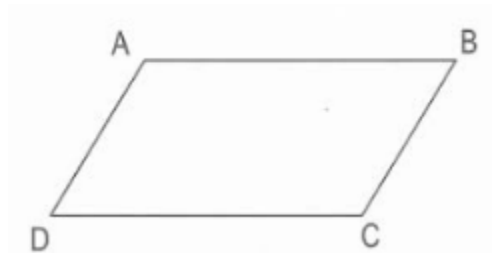
Vậy $x = \dots; x = \dots; x = \dots$

b, $x^2 - 10x = -25 \Leftrightarrow x^2 - 2 \cdot x \cdot 5 + 5^2 = 0$

$\Leftrightarrow (x - \dots)^2 = 0 \Leftrightarrow x - 5 = 0 \Leftrightarrow x = \dots$

Bài 7: HÌNH BÌNH HÀNH**1. Định nghĩa**

Hình bình hành là tứ giác có các cạnh đối song song.



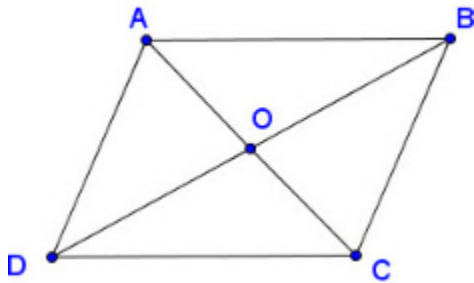
ABCD là hình bình hành $\Leftrightarrow \begin{cases} AB // CD \\ AD // BC \end{cases}$

Nhận xét: Hình bình hành là một hình thang có hai cạnh bên song song.

2. Tính chất

Định lý: Trong hình bình hành

- Các cạnh đối bằng nhau.
- Các góc đối bằng nhau.
- Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

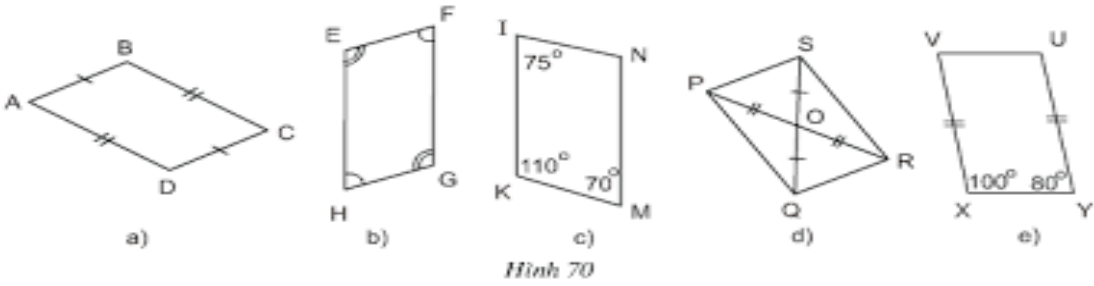


Hình bình hành ABCD có O là giao điểm hai đường chéo thì ta có:

$AB=CD, AD=BC$, $AB//CD, AD//BC$ đồng thời O là trung điểm của AC và BD.

3. Dấu hiệu nhận biết

- Tứ giác có các cạnh đối song song là hình bình hành.
- Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.
- Tứ giác có hai cạnh đối song song và bằng nhau là hình bình hành.
- Tứ giác có các góc đối bằng nhau là hình bình hành.
- Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành



Hình a, Xét tứ giác ABCD có:

$AB = \dots$ (gt)

$AD = \dots$ (gt)

⇒ Tứ giác ABCD là hình bình hành (Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là)

Hình b, Xét tứ giác EFGH có:

$\hat{E} = \dots$

$\hat{H} = \dots$

⇒ Tứ giác EFGH là hình bình hành (Tứ giác có các góc đối là hình bình hành)

Hình c, Xét tứ giác IKMN có: $\hat{I} \neq \hat{M}$

⇒ Tứ giác IKMN không phải là hình bình hành

Hình d, Xét tứ giác PSRQ có:

$OP = OR \Rightarrow O$ là trung điểm của đường chéo PR

$OS = OQ \Rightarrow O$ là trung điểm của đường chéo SQ

Tứ giác PSRQ là hình..... (Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành)

Hình e, Xét tứ giác VUYX có:

$\hat{X} + \hat{Y} = 100^\circ + \dots = \dots$

Mà \hat{X} và \hat{Y} ở vị trí nên $VX \parallel UY$

$VX = \dots$

⇒ Tứ giác VUYX là..... (Tứ giác có hai cạnh đối và bằng nhau là hình bình hành)

.....

SINH 8

Tuần 5: từ ngày 04/10 – 08/10/2021

Tiết 9

BÀI 9: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ

Nội dung, yêu cầu cần đạt
<p>I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ:</p> <p>* Bắp cơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài là màng liên kết, 2 đầu thon có gân, phần bụng phình to. - Trong có nhiều sợi cơ tập trung thành các bó cơ . <p>* Tế bào cơ : gồm nhiều tơ cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tơ cơ dày: có các mấu lồi sinh chất, tạo vân tối - Tơ cơ mảnh: trơn, tạo vân sáng . - Sự sắp xếp các tơ cơ theo chiều dọc làm cho các tế bào cơ có vân ngang : vân tối và vân sáng xen kẽ nhau. - Mỗi tế bào cơ gồm nhiều đơn vị cấu trúc: là phân tơ cơ giữa 2 tấm Z. <p>II. Tính chất của cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là co và giãn. - Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại. - Cơ co khi có kích thích và chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh . <p>III. Ý nghĩa của hoạt động cơ cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ co giúp xương cử động dẫn đến vận động sự cơ thể. - Trong cơ thể luôn có sự phối hợp hoạt động của các nhóm cơ.

Phần Hs Tham khảo:

- Đặc điểm cấu tạo nào của tế bào cơ phù hợp với chức năng cơ cơ ?
- + Tế bào cơ được cấu tạo từ các tơ cơ gồm các tơ cơ mảnh và tơ cơ dày.
- + Khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm tế bào cơ co ngắn lại.

- Cả cơ gấp và cơ duỗi cẳng chân cùng co khi ta đứng để giữ xương chân thẳng đứng. Không khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng co tối đa.
- Có những người bơi giỏi nhưng vẫn bị chết đuối, dân gian cho rằng họ bị ma làm. Điều này có đúng không? Giải thích?

- Không đúng, tuy bơi giỏi nhưng bơi lâu, quá sức (có thể do chủ quan) gây mỏi cơ đến mức cơ không co được nữa khi chưa đến bờ, gây chết đuối.

.....

MÔN THỂ DỤC TUẦN 5

BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN- CHẠY BỀN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 30 giây x 3 lần
- **Nhảy dây 5 phút x 3 lần**

MÔN CÔNG NGHỆ

Bài 10. Bài tập thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt

Các bước tiến hành:

- Đọc bản vẽ vòng đai theo trình tự
- Kẻ bảng theo mẫu 9.1 vào bài làm và ghi phần trả lời vào bảng

Bảng 10.1:

Trình tự đọc	Nội dung cần tìm hiểu	Bản vẽ vòng đai(h10.1)
1.Khung tên	-Tên gọi chi tiết -Vật liệu -Tỉ lệ	-Vòng đai -Thép -1:2
2.Hình biểu diễn	-Tên gọi hình chiếu -Vị trí hình cắt	-Hình chiếu bằng -Hình cắt ở hình chiếu đứng
3.Kích thước	-Kích thước chung của chi tiết -Kích thước các phần chi tiết	-Chiều dài 140, chiều rộng 50, R39 -Bán kính vòng trong R25 -Chiều dày 10 -Khoảng cách 2 lỗ 110 -Đường kính 2 lỗ Φ 12
4.Yêu cầu kỹ thuật	-Gia công -Xử lý bề mặt	-Làm từ cạnh -Mạ kẽm
5.Tổng hợp	-Mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết -Công dụng của chi tiết	Phần giữa chi tiết là nửa hình ống trụ, hai bên hình hộp chữ nhật có lỗ tròn -Dùng để ghép nối chi tiết hình trụ với các chi tiết khác

Bài 11. Biểu diễn ren

I. Chi tiết có ren

Công dụng của ren: liên kết các chi tiết với nhau và để truyền lực.

Tên chi tiết	Công dụng
a) Trụ ghế	- Thay đổi độ cao của ghế
b) Miệng lọ mực	- Vặn chặt nắp lọ mực
c) Ruột đui đèn	- Lắp chặt bóng đèn
d) Đầu đinh vít	- Vặn chặt vít vào vật
e) Đuôi bóng đèn	- Lắp chặt vào đui

g) Lỗ trong đai ốc	- Vận chặt vào ren trục
h) Đầu trục bu lông	- Vận vào đai ốc



a Ghế xoay



b Bình mực



c Đui đèn



h Bu lông



d Vít



e Bóng đèn

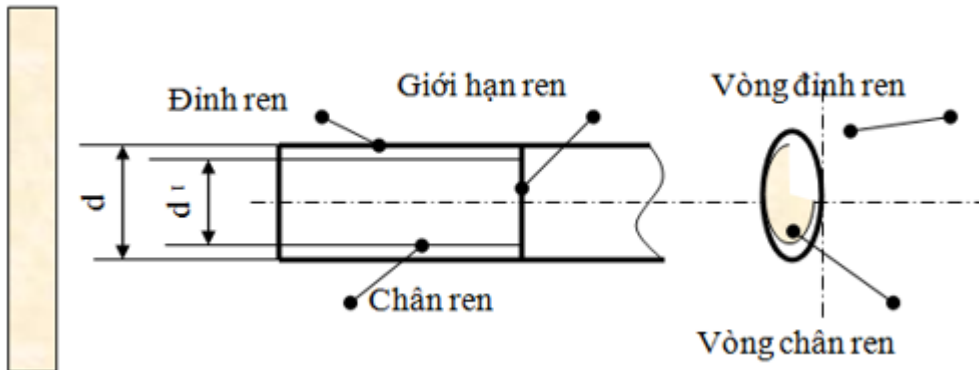


g Đai ốc

II. Quy ước vẽ ren

1. Ren ngoài

Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết.

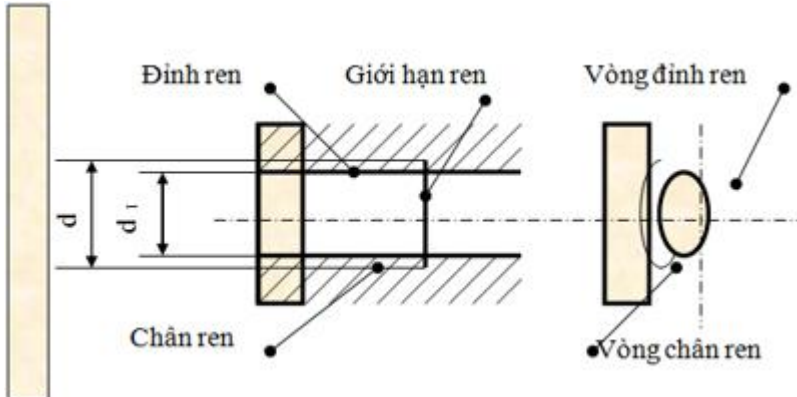


Quy ước vẽ ren ngoài:

- Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.
- Đường chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh.
- Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm.
- Vòng đỉnh ren được vẽ đóng kín bằng nét liền đậm.
- Vòng chân ren được vẽ hở bằng nét liền mảnh.

2. Ren trong

Ren trong là ren được hình thành ở mặt trong của lỗ.



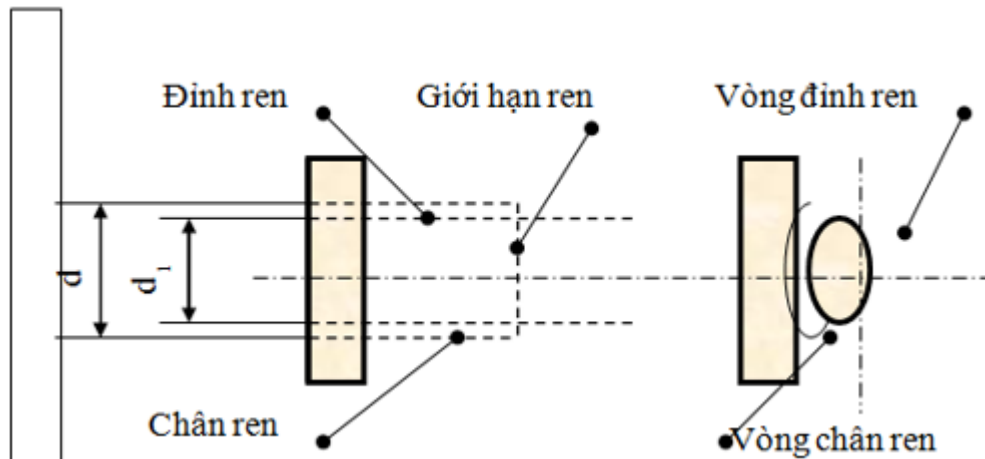
Quy ước vẽ ren trong có mặt cắt nhìn thấy:

- Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.
- Đường chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh.
- Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm.
- Vòng đỉnh ren được vẽ đóng kín bằng nét liền đậm.
- Vòng chân ren được vẽ hở bằng nét liền mảnh.

Chú ý: Đường gạch gạch được kẻ đến đường đỉnh ren.

3. Ren bị che khuất

Quy ước: các đường giới hạn ren, đường đỉnh ren, đường chân ren, đều vẽ bằng nét đứt.



WEEK 5(04/10- 08/10/2021) ENGLISH 8
UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS
PERIOD 2: WRITE

WRITE:

(Trang 23-24 SGK Tiếng Anh 8)

1. Read The message. Then fill in the gaps in the passage that follows with the information.

(Hãy đọc lời nhắn dưới đây rồi điền thông tin vào chỗ trống ở đoạn văn bên dưới.)

Thang Loi Delivery Service

Date: May 12
 Time: 11.50 am
 For: Mr. Ha
 Message: Mrs. Lien called about her furnitute delivery. She wants you to call her after lunch. Her telephone number is 8 645 141.
 Taken by: Tam

A customer (1) the Thang Loi Delivery Service on (2) just before midday. She wanted to (3) to Mr. Ha but he was out. So Mr. Tam (4) a message for Mr. Ha. The customer's (5) was Mrs. Lien, and she wanted to know about her furniture (6) She wanted (7)to call her. She said that Mr. Ha could reach her (8) 8 645 141 after lunch.

2. Now read the passage below. Write the telephone message in your exercise book.

(Bây giờ hãy đọc đoạn văn dưới đây rồi viết lời nhắn qua điện thoại vào vở bài tập của em.)

Viết lời nhắn:

Thanh Cong Delivery Service

Date: June 16
 Time: after midday
 For: Mrs. Van
 Message: Mr. Nam called about his stationery order. He wants you to call him on 8 634 082.
 Taken by: Mr. Toan

Read the message form on page 23 again, then help Lisa write a message for Nancy. Use the information from the dialogue.

(Em hãy đọc lại lời nhắn điện thoại ở trang 23 rồi giúp Lisa viết lời nhắn cho Nancy sử dụng thông tin ở hội thoại sau.)

Hướng dẫn dịch:

Lisa: Xin chào.

Tom: Chào chị. Là em cho em nói chuyện với Nancy. Em, Tom đây.

Lisa: Tiếc quá, em gái chị vắng nhà rồi. Em có muốn nhắn lại không?

Tom: Chào chị Lisa. Chị có thể báo giúp em sẽ đến đón bạn ấy không? Chiều nay chúng em sẽ chơi quần vợt.

Lisa: Nancy đã biết chưa Tom?

Tom: Dạ biết rồi chị ạ. Chúng em đã mua haichi để chơi hôm qua.

Lisa: Máy giờ thì em đến?

Tom: Khoảng 1 giờ 30.

Lisa: Được rồi Tom. Chị sẽ nói khi Nancy trở lại. Tạm biệt nhé.

Tom: Lisa, em cảm ơn chị nhiều. Tạm biệt chị.

Viết lờn hấn

Date:

Time:

For: *Nancy*Message: *Tom called about playing tennis this afternoon.
He will come over to pick you up at 1.30.*Taken by: *Lisa***WEEK 5(04/10- 08/10/2021) ENGLISH 8****UNIT 3: AT HOME****PERIOD 2: SPEAK****Speak** (Trang 28-29 SGK Tiếng Anh 8)**Look at the picture. Work with ...** (Hãy nhìn tranh. Hãy cùng bạn em nói về vị trí của mỗi đồ vật.)*** Gọi ý trả lời:**

- The table is in the middle of the kitchen.
- The flowers are on the table.
- The plate is on the table near the flowers.
- The clock is on the wall above the refrigerator.
- The cupboard is on the wall above the counter.
- There are some knives on the wall under the cupboard.
- The rice cooker is on the counter near the dish rack.
- The bowl of fruit is on the counter next to the dish rack.
- The calendar is on the wall above the sink.
- The sink is next to the stove.
- The saucepans and the frying pan are above the stove and the sink.

2. Mrs. Vui bought new furniture for her living-room,
 ... (Bà Vui mua đồ gỗ mới cho phòng khách nhà bà không biết nên đặt chúng ở đâu.
 Em hãy cùng bạn em sắp xếp những đồ gỗ này. Các em phải thống nhất ý kiến với nhau.)

rug **armchair** **cushions** **coffee table**
picture **stereo** **TV** **clock**
lamp **couch** **shelf** **magazines**
telephone



*** Gợi ý trả lời:**

A: Let's put the couch against the wall.

B: OK. I think we ought to put the armchair opposite the couch.

A: OK. And think we ought to put the coffee table in front of the armchair and the couch. How about the rug?

B: I think we ought to put it on the floor under the coffee table.

A: Good idea! Let's hang the picture on the wall above the couch.

B: OK. And I think we ought to put the lamp in the corner next to the couch.

A: How about the shelves?

B: I think the shelves ought to be on the wall opposite the couch.

A: Great! And I think the TV and the stereo should be on the opposite wall across from the shelves.

B: Let's hang the clock on the wall to left of the picture.

A: I think we should hang it on the wall above the shelves.

B: OK. Let's put the telephone on one of the shelves. How about the cushions?

A: I think we should put them on the couch.

B: Let's put the magazines on the coffee table.

A: OK.

HOMEWORK

SECTION 1: - Learn by heart new words in "Speak" (rug, couch, cushion, armchair,...)
 - Review the preposition of places: on, in, at, between...and, under, behind, next to, near, above, below
 SECTION 2: - Do E.xVIII, (page 13, 14), IX (page 14), II (page 14, 15) (Mai Lan Huong)

ĐỊA 8

Tuần 5 : Từ (4/10-10/10/2021)

BÀI 5. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

1. Một châu lục đông dân nhất thế giới

- Số dân: 3766 triệu người, chiếm 60,3% dân số thế giới (năm 2002)
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,3% bằng với mức TB của TG, nhờ thực hiện chính sách dân số

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc:

Gồm:

- Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it: Ở Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á
- Chủng tộc Môn-gô-lô-it: Ở Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á
- Chủng tộc Ô-xtra-lô-it: Ở Đông Nam Á

3. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn:

- Ấn Độ giáo
- Phật Giáo
- Ki tô giáo(Cơ đốc giáo)
- Hồi giáo

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (TUẦN 5)

NỘI DUNG	GHI CHÚ															
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 8															
	BÀI 6: CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX															
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>- HS đọc SGK Lịch sử lớp 8 từ trang 39 đến trang 45 của NXBGD</p> <p>1/ Mục tiêu bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những nét khái quát chung và đặc điểm của tình hình kinh tế chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. - Hiểu được đây là thời kì hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền hay chủ nghĩa đế quốc, thời kì chạy đua vũ trang xâm chiếm thuộc địa của các nước tư bản Âu - Mỹ. - Có thái độ đúng đắn về bản chất của chủ nghĩa tư bản hồi cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. - Biết đánh giá, giải thích các sự kiện, hiện tượng lịch sử cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX xuất phát từ những điều kiện lịch sử, cụ thể. - Rèn luyện kĩ năng vẽ lược đồ, sơ đồ, niên biểu các sự kiện lịch sử. <p>2/ Cách học:</p> <p>* Mục I:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tình hình kinh tế, chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ. - Ghi nhớ các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc với những đặc điểm khác nhau. <p>* Mục II: học sinh tự đọc thêm SGK</p> <p>3/ Một số khái niệm, thuật ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đế quốc (chủ nghĩa): Giai đoạn tiếp sau giai đoạn tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản. Đặc trưng chủ yếu của nó là sự tập trung sản xuất và tư bản, sự thống trị của các công ty độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị của một nước; sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản, giữa nhân dân thuộc địa và các nước đế quốc, giữa các nước đế quốc với nhau rất sâu sắc, dẫn đến các cuộc chiến tranh đế quốc và làm bùng nổ cách mạng vô sản đi tới thắng lợi. - Công ty độc quyền: Công ty tư bản chủ nghĩa lớn chi phối các mặt kinh tế và có ảnh hưởng lớn về chính trị trong nước. 															
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<p>TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK</p> <p>1/ Hãy điền vào ô trống tên các nước trong bảng so sánh về vị trí của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ trong sản xuất công nghiệp ở hai thời điểm: 1870, 1913.</p>															
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;"></td> <td style="width: 20%; text-align: center;"><i>Vị trí</i></td> <td style="width: 20%;"></td> <td style="width: 20%;"></td> <td style="width: 20%;"></td> <td style="width: 20%;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><i>Năm</i></td> <td></td> <td style="text-align: center;"><i>Thứ 1</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Thứ 2</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Thứ 3</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Thứ 4</i></td> </tr> </table>		<i>Vị trí</i>					<i>Năm</i>		<i>Thứ 1</i>	<i>Thứ 2</i>	<i>Thứ 3</i>	<i>Thứ 4</i>			
	<i>Vị trí</i>															
<i>Năm</i>		<i>Thứ 1</i>	<i>Thứ 2</i>	<i>Thứ 3</i>	<i>Thứ 4</i>											

	1870				
	1913				
2/ Mâu thuẫn chủ yếu giữa các nước đế quốc già(Anh,Pháp) với các nước đế quốc trẻ(Đức, Mĩ).					
3/ Mâu thuẫn đó đã chi phối chính sách đối ngoại của các nước đế quốc như thế nào?					

*** Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Mục II:	1. 2. 3.

BÀI GHI CỦA HS

BÀI 6: CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Anh

a. Kinh tế

- Trước 1870 Anh đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.
- Từ sau 1870 Anh mất dần vị trí này tụt xuống hàng thứ ba thế giới (sau Mĩ, Đức)
- Anh vẫn đứng đầu về xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa. Nhiều công ty độc quyền về công nghiệp và tài chính đã ra đời, chi phối toàn bộ nền kinh tế.

b. Chính trị: Là nước quân chủ lập hiến, hai đảng Tự do và Bảo thủ thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi giai cấp tư sản.

c. Đối ngoại: Đẩy mạnh chính sách xâm lược thuộc địa. Đến 1914 thuộc địa Anh trải rộng khắp thế giới.

=> Lênin gọi CNDQ Anh là “Chủ nghĩa đế quốc thực dân”.

2. Pháp

a. Kinh tế

- Sau năm 1870 công nghiệp chậm phát triển, tụt xuống hàng thứ 4 thế giới (sau Mĩ, Đức Anh, Pháp)
- Tuy nhiên Pháp vẫn phát triển mạnh nhất là ngành khai mỏ, đường sắt, luyện kim chế tạo ô tô...nhiều công ty độc quyền ra đời chi phối nền kinh tế Pháp.
- Pháp cho các nước tư bản chậm tiến vay với lãi suất cao nên Lênin gọi CNDQ Pháp “CNDQ cho vay lãi”

b. Chính trị

- Thể chế chính trị cộng hoà (nền Cộng hòa thứ 3).

- Tăng cường đàn áp nông dân.

c. Đối ngoại: Chạy đua vũ trang và tăng cường xâm lược thuộc địa.

3.ĐỨC

a. Kinh tế:

- Công nghiệp phát triển mạnh mẽ, đứng thứ 2 thế giới (sau Mĩ)

- Nhiều công ty độc quyền ra đời nhất là về luyện kim, than đá, sắt thép chi phối nền kinh tế Đức

b. Chính trị:

- Đức là nước quân chủ lập hiến, theo thể chế liên bang.

+ Thi hành chính sách đối nội, đối ngoại hết sức phản động như: đề cao chủng tộc Đức, truyền bá bạo lực và chạy đua vũ trang. Đức được mệnh danh là *“Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến”*

4.MĨ

a. Kinh tế:

Từ năm 1870 trở đi Công nghiệp đứng đầu thế giới. Sản phẩm công nghiệp Mĩ luôn gấp đôi Anh và gấp ½ các nước Tây Âu gộp lại.

- Công nghiệp phát triển mạnh mẽ đã dẫn đến sự tập trung tư bản cao độ. Nhiều công ty độc quyền ở Mĩ ra đời như “Vua dầu mỏ” Rốc-phe-lơ, vua thép Moóc-gan, vua ô tô Pho... đã chi phối toàn bộ nền kinh tế, chính trị Mĩ.

- Nông nghiệp, vừa đáp ứng lương thực trong nước vừa xuất khẩu cho thị trường Châu Âu.

b. Chính trị:

- Chế độ Cộng hoà liên bang với hai Đảng Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

- Đẩy mạnh bành trướng khu vực: Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha để tranh giành thuộc địa, dùng vũ lực và đồng đô-la để can thiệp vào khu vực Mĩ La tinh.

II. CHUYỂN BIẾN QUAN TRỌNG Ở CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC: (Học sinh đọc thêm SGK).

PHIẾU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ 8 – SỐ 5

Câu 1: Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân dẫn tới tình trạng tụt hậu về công nghiệp của Anh là:

A. Công nghiệp của Anh phát triển sớm, phần lớn máy móc, trang thiết bị đã lạc hậu, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá.

B. Giai cấp tư sản Anh chỉ chú trọng đầu tư sang các nước thuộc địa.

C. Giai cấp tư sản Anh không quan tâm đến việc đổi mới và phát triển công nghiệp trong nước.

D. Tốc độ già hoá dân số cao làm cho nước Anh thiếu trầm trọng nguồn lao động.

Câu 2: Sự tập trung sản xuất, hình thành các công ty độc quyền ở Pháp diễn ra mạnh nhất trong ngành:

A. Công nghiệp khai khoáng.

B. Công nghiệp nặng,

C. Công nghiệp - tài chính.

D. Ngân hàng.

Câu 3: Quá trình tập trung sản xuất ở Đức diễn ra mạnh mẽ trong các ngành:

- A. Luyện kim, than đá, điện, hoá chất.
- B. Công nghiệp nhẹ.
- C. Khai mỏ, luyện kim, giao thông vận tải.
- D. Tài chính, ngân hàng.

Câu 4: Nền kinh tế Mỹ phát triển nhảy vọt trong thời gian

- A. Những năm 30 của thế kỉ XIX.
- B. Giữa thế kỉ XIX.
- C. 30 năm cuối thế kỉ XIX.
- D. 20 năm cuối thế' kỉ XIX.

Câu 5. Vì sao đến cuối thế kỉ XIX nước Anh mất dần vị trí độc quyền công nghiệp?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Tại sao kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng trong 30 năm cuối thế kỉ XIX?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MÔN GD&ĐT**A. NỘI DUNG GHI VỞ****BÀI 6: XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG, LÀNH MẠNH****I. ĐẶT VẤN ĐỀ: Sgk****II. NỘI DUNG BÀI HỌC:****1. Thế nào là tình bạn trong sáng lành mạnh ?****a. Tình bạn là gì?**

Tình bạn là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người cùng giới hoặc khác giới trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích hoặc có chung xu hướng hoạt động, có cùng lý tưởng sống...

b. Đặc điểm cơ bản của tình bạn trong sáng, lành mạnh:

- Phù hợp quan niệm sống
- Bình đẳng và tôn trọng nhau
- Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm với nhau
- Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau

2. Ý nghĩa :

Tình bạn trong sáng, lành mạnh giúp:

- Cuộc sống ấm áp, tự tin, yêu cuộc sống hơn;
- Biết tự hoàn thiện để sống tốt hơn.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Em sẽ làm gì nếu thấy bạn mình:

- a. Mắc khuyết điểm hoặc vi phạm pháp luật
- b. Bị người khác rủ rê lôi kéo sử dụng ma túy
- c. Có chuyện buồn hoặc gặp khó khăn, rủi ro trong cuộc sống

.....

.....

.....

.....

C. PHẦN HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

CÁC NỘI DUNG TRONG BÀI HỌC	NỘI DUNG YÊU CẦU HỌC SINH THỰC HIỆN
I. Đặt vấn đề	Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần đặt vấn đề. Tìm hiểu 3 vấn đề. 1. Nêu những việc làm mà Ăngghen đã làm cho Mac. 2. Nêu những nhận xét về tình bạn của Mac và Ăngghen. 3. Tình bạn của Mac và Ăngghen dựa trên cơ sở nào?
II. Nội	Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học *Qua tìm hiểu về tình bạn giữa Mac và Ăngghen em cho biết thế nào là tình bạn? Tình bạn cao cả giữa Mac- ăngghen còn dựa trên nền tảng là sự gặp gỡ trong

<p>dung bài học</p> <p>1. Thế nào là tình bạn trong sáng lành mạnh</p> <p>2. Ý nghĩa của tình bạn</p>	<p>tình cảm lớn đó là: yêu tổ quốc, yêu nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh . Nó là sự gắn bó chặt chẽ về lợi ích chính trị cùng một thế giới quan và một ý thức đạo đức.</p> <p>*Em cho biết ý kiến về đặc điểm của tình bạn trong sáng và lành mạnh. Giải thích vì sao ?</p> <p>*Em cho biết ý kiến và giải thích vì sao có người cho rằng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có tình bạn trong sáng và lành mạnh giữa hai người khác giới - Tình bạn trong sáng và lành mạnh chỉ cần đến từ một phía. <p>*Cảm xúc của em khi :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với bạn - Cùng bạn bè học tập , vui chơi , giải trí. - Khi gia đình gặp khó khăn về kinh tế không đủ điều kiện đi học nhưng em được bạn bè giúp đỡ. - Do đua đòi với bạn bè xấu em đã vi phạm pháp luật. Nhưng em đã được bạn bè giúp đỡ nhận ra sai lầm và sống tốt hơn <p>GV: Những cảm xúc, suy nghĩ của các em chính là ý nghĩa của tình bạn đối với mỗi người chúng ta .</p> <p>Hoạt động 3:bài tập</p> <p>Em tán thành với ý kiến nào dưới đây giải thích vì sao?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1-Tình bạn là tự nguyện bình đẳng. 2-Tình bạn cần có sự thông cảm đồng cảm sâu sắc. 3-Tôn trọng tin cậy chân thành. 4-Bao che cho nhau. 5-Quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. <p>*Vậy tình bạn trong sáng lành mạnh có đặc điểm gì?</p> <p>*Cảm xúc của em như thế nào khi gia đình mình gặp khó khăn về kinh tế không đủ điều kiện đi học nhưng em được bạn bè giúp đỡ?</p> <p>Hoạt động 5:</p> <p>*Những câu tục ngữ nào sau đây nói về tình bạn?</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ăn chộn nơi, chơi chộn bạn. -Thêm bạn bớt thù. -Học thầy không tày học bạn. -Uống nước nhớ nguồn. -Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ
---	---

Tuần 5- Bài 5 MÔN VĂN**Tiết 21&22: CÔ BÉ BÁN DIÊM****I.Đọc – hiểu chú thích.**

1.Tác giả - Tác phẩm: Xem Sgk/67.

2.Từ khó: Sgk/67,68

II.Đọc – hiểu văn bản.**1.Gia cảnh của cô bé bán diêm.**

-Nhà nghèo, mẹ mất sớm, bà nội cũng đã qua đời.

-Em cùng với cha sống chui rúc trên một căn gác sát mái.

-Người cha luôn mắng nhiếc, chửi rủa, bắt em đi bán diêm để kiếm sống.

2.Những hình ảnh tương phản:***Bên ngoài:**

-Đêm giao thừa, trời đông giá buốt, tuyết rơi dày đặc.

-Cửa sổ mọi nhà sáng rực ánh đèn.

-Đường phố sực nức mùi ngỗng quay.

***Em bé:**

-Đầu trần, chân đất lang thang qua khắp phố.

-Dò dẫm đi trong bóng tối

-Em bé bụng đói cồn cào

Khắc họa và làm nổi bật tình cảnh: rét, đói, khổ của em bé.

3. Những mộng tưởng của cô bé bán diêm.

- Một lò sưởi => Vì rét.

- Một bàn ăn => Vì đói

- Một cây thông Nô- en.

=> Vì em muốn đón giao thừa vui vẻ

- Em nhìn thấy bà to lớn và đẹp lão => Em muốn được đón giao thừa trong niềm hạnh phúc gia đình.

- Em thấy hai bà cháu bay vút lên cao => Em muốn được giải thoát khỏi tình cảnh đói, rét, đau buồn.

4. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm.

- Một cô bé có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.

=> Niềm thương cảm sâu sắc của tác giả dành cho em bé bất hạnh.

III. Tổng kết. *Ghi nhớ: SGK/68

Tiết 23: TRỢ TỪ- THÁN TỪ.

I. Trợ từ:

1. Ví dụ: SGK/ tr69.

- Nó ăn hai bát cơm.

- Nó ăn **những** hai bát cơm.

-> Từ **những** bổ sung nghĩa cho từ hai bát cơm.

=> Nhấn mạnh, đánh giá việc ăn hai bát cơm là nhiều.

- Nó ăn **có** hai bát cơm.

-> Từ **có** bổ sung nghĩa cho từ hai bát cơm.

=> Nhấn mạnh, đánh giá việc ăn hai bát cơm là ít.

2* **Khái niệm:** **Trợ từ** là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay, tới, lặn...

II. Thán từ:

1. Ví dụ:

2. ***Khái niệm:** **Thán từ** là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói và dùng để gọi đáp.

- Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.

- Thán từ gồm hai loại chính:

+ Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ơ, ôi, than ôi, trời ơi, hỡi ơi...

+ Thán từ gọi đáp: này, ơi, vâng, dạ, ừ...

III. Luyện tập: SGK/ tr70,71,72.

TIẾT 24: MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN TỰ SỰ

I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự

Vd: Đọc đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyễn Hồng.

1. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm (SGK/72;73)

=> Các yếu tố này đan xen với yếu tố tự sự.

2. Nếu không có yếu tố miêu tả và biểu cảm, người đọc sẽ không hình dung được hình dáng, diện mạo, hương vị, màu sắc của nhân vật và sẽ không cảm nhận được niềm hạnh phúc của bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ.

3. Nếu bỏ các yếu tố kể thì đoạn văn sẽ không thành chuyện.

*Bài học: Ghi nhớ- SGK/74

II. Luyện tập: Sgk/74

DẶN DÒ

-Viết một đoạn văn kể về những giây phút đầu tiên khi em gặp một người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em...) sau một thời gian xa cách (chú ý sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi kể).